

NAME: \_\_\_\_\_

## PRACTICE: UNIT 8

CLASS: 6\_\_



### VOCABULARY

Task 1. Look at the pictures and complete the blanks with the given words.

boxing

chess

table tennis

aerobics

volleyball

cycling

football

skiing

swimming

karate

skateboarding

tennis



1. \_\_\_\_\_

2. \_\_\_\_\_

3. \_\_\_\_\_

4. \_\_\_\_\_

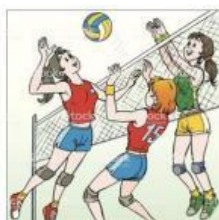


5. \_\_\_\_\_

6. \_\_\_\_\_

7. \_\_\_\_\_

8. \_\_\_\_\_



9. \_\_\_\_\_

10. \_\_\_\_\_

11. \_\_\_\_\_

12. \_\_\_\_\_

**I. Past simple (Thì quá khứ đơn)****a. Use (cách dùng)**

Dùng để diễn tả hành động đã xảy ra và kết thúc hoàn toàn trong quá khứ. (Trong câu thường có các trạng ngữ chỉ thời gian)

**b. Form**

|     | Động từ thường                     | Động từ "to be"                                                  |
|-----|------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| (+) | S + <b>Ved</b>                     | You, we, they + <b>were</b><br>I, he, she, it + <b>was</b>       |
| (-) | S + <b>didn't</b> + V <sub>o</sub> | You, we, they + <b>weren't</b><br>I, he, she, it + <b>wasn't</b> |
| (?) | <b>Did</b> + S + V <sub>o</sub> ?  | <b>Were</b> + you, we, they?<br><b>Was</b> + I, he, she, it?     |

**c. How to change *infinitive* verbs into past form**

Động từ ở thì quá khứ được chia làm 2 loại: theo quy tắc và bất quy tắc.

- ❖ Đối với động từ **theo quy tắc**, khi chuyển sang dạng quá khứ, ta thêm đuôi "ed".

help → helped                      want → wanted

- ❖ Nếu động từ kết thúc bằng **nguyên âm + y**, ta thêm đuôi "ed" như bình thường.

play → played                      stay → stayed

- ❖ Nếu động từ kết thúc bằng **phụ âm + y** → ta đổi y → ied.

cry → cried                      study → studied

- ❖ Đối với động từ **bất quy tắc**: tra dạng quá khứ trong Bảng động từ bất quy tắc.

**Example:** She **worked** for Thanh Long Company last year.

Now she **is working** for the BBC Company.

(Năm ngoái cô ấy làm việc cho công ty Thăng Long. Hiện nay cô ấy làm việc cho công ty BBC.)

**d. Signals (dấu hiệu nhận biết)**

- yesterday (hôm qua),

- last + ....

Ex: last night (tối hôm qua), last week/ month/ year: tuần/ tháng/ năm vừa rồi

- ..... + ago

Ex: two days ago (cách đây 2 ngày), three years ago (cách đây 3 năm)

- at that moment (lúc đó),

## II. Imperatives (Câu mệnh lệnh)

**Use:** Câu mệnh lệnh dùng khi ta muốn yêu cầu ai đó làm việc gì hoặc đừng làm việc gì đó

**Form:**

(+)        **V!**  
(-)        **Don't + V!**

**Example:**

- Look at the board! (Hãy nhìn lên bảng)
- Don't play with the dog! (Đừng đùa với con chó!)

### Task 1. Give the past form of the verbs below:

| No. | Present form | Past form | No. | Present form | Past form |
|-----|--------------|-----------|-----|--------------|-----------|
| 1.  | be           |           | 9.  | read         |           |
| 2.  | play         |           | 10. | listen       |           |
| 3.  | go           |           | 11. | learn        |           |
| 4.  | do           |           | 12. | drink        |           |
| 5.  | bring        |           | 13. | work         |           |
| 6.  | see          |           | 14. | forget       |           |
| 7.  | find         |           | 15. | have         |           |
| 8.  | give         |           | 16. | know         |           |

### Task 2. Give the correct form of the verbs in brackets.

1. I (**not be**) \_\_\_\_\_ very happy yesterday.
2. The people in the café (**not be**) \_\_\_\_\_ friendly when I was there yesterday.
3. I (**leave**) \_\_\_\_\_ my school bag at school this morning.
4. It (**be**) \_\_\_\_\_ a great film in 2001.
5. Our teacher (**tell**) \_\_\_\_\_ us to be quiet yesterday.
6. I went to the shop but I (**not have**) \_\_\_\_\_ any money.
7. Susan (**not know**) \_\_\_\_\_ about the exam and she did very badly.
8. I (**buy**) \_\_\_\_\_ a ticket for the football match yesterday.

**Task 3. Choose the best answer to complete each of the following sentences.**

1. I \_\_\_\_\_ a English course to improve all the skills.  
A. not joined      B. joined      C. did joined      D. join
2. We \_\_\_\_\_ to our friend last night.  
A. spoke      B. speak      C. speaked      D. spoken
3. We \_\_\_\_\_ and \_\_\_\_\_ lunch at the cafeteria with them.  
A. talked/have      B. talked/ had      C. talk/had      D. talked/ have
4. \_\_\_\_\_ you attend yoga class when I \_\_\_\_\_ at home?  
A. Did/ stayed      B. Didn't/ didn't stayed  
C. Did/ didn't stayed      D. Did/ stayed
5. I \_\_\_\_\_ his car to work while he was sleeping.  
A. drive      B. drove      C. driving      D. driven
6. The man \_\_\_\_\_ the door and \_\_\_\_\_ pieces of paper.  
A. open/ thrown      B. opened/ threw  
C. opened/ thrown      D. open/ throw
7. He \_\_\_\_\_ them into a room.  
A. led      B. lead      C. leaded      D. leads

8. He \_\_\_\_\_ off his hat and \_\_\_\_\_ into the room.  
 A. take/went      B. take/go      C. taken/go      D. took/ went
9. The meeting . \_\_\_\_\_ 5 minutes ago.  
 A. finished      B. finish      C. did not finish      D. did finish
10. When \_\_\_\_\_ she \_\_\_\_\_ the report?  
 A. do/ finish      B. did/ finished      C. did/finish      D. didn't/ finished

**Task 4. Match the questions and answer. Then practice.**

|                                                          |    |                                                          |
|----------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------------------|
| 1. Do you like to watch sports on TV?                    | 1+ | a. Volleyball, I think.                                  |
| 2. What sports are you best at?                          | 2+ | b. Three or four times.                                  |
| 3. How much exercise do you get each week?               | 3+ | c. Because it can help them be healthy.                  |
| 4. Did you do any exercise or play any sports yesterday? | 4+ | d. Yes, I like watching sports more than playing them.   |
| 5. Do you prefer team sports or individual sports?       | 5+ | e. I don't like either of them. I'm not a sporty person. |
| 6. What is the most popular sport in the world?          | 6+ | f. Football or soccer                                    |
| 7. Which is better, basketball or volleyball?            | 7+ | g. Swimming and Taekwondo.                               |
| 8. Why should people exercise?                           | 8+ | h. Yes, I played tennis with friends                     |